

TÀI LIỆU ÔN TẬP CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TRÀ VINH NĂM 2023

BÀI 1. CÔNG TÁC XÃ HỘI

1. Công tác xã hội

Công tác xã hội là một chuyên ngành được sử dụng để giúp đỡ cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng tăng cường hoặc khôi phục năng lực thực hiện chức năng xã hội của họ và tạo ra những điều kiện thích hợp nhằm đạt được những mục tiêu ấy. CTXH tự mình không giải quyết được vấn đề xã hội mà cần đến sự phối hợp của các ngành khác trong hệ thống an sinh xã hội (mạng lưới an sinh xã hội).

Các chức năng của CTXH: phòng ngừa, trị liệu, phục hồi và phát triển.

Các phương pháp trong CTXH: CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm và CTXH cộng đồng.

2. Công tác xã hội cá nhân và gia đình

Công tác xã hội cá nhân là một phương pháp giúp đỡ cá nhân con người thông qua mối quan hệ một - một. Nó được nhân viên xã hội ở các cơ sở xã hội sử dụng để giúp những người có vấn đề về chức năng xã hội và thực hiện chức năng xã hội. Điểm cốt lõi trong Công tác xã hội là giải quyết những khó khăn mà con người gặp phải và giúp bản thân họ tự giải quyết vấn đề bằng chính khả năng của họ.

3. Công tác xã hội với nhóm

Công tác xã hội nhóm là phương pháp trong công tác xã hội nhằm giúp tăng cường, củng cố chức năng xã hội của cá nhân thông qua các hoạt động nhóm và khả năng ứng phó với các vấn đề của cá nhân

Công tác xã hội với nhóm (làm việc với nhóm) là quá trình mà nhân viên công tác xã hội sử dụng tiến trình sinh hoạt nhóm để giúp đỡ nhóm và từng cá nhân tăng cường khả năng tự giải quyết vấn đề nhằm thỏa mãn nhu cầu.

4. Công tác xã hội với tổ chức và cộng đồng

Cộng đồng là một tập thể người có thể cùng nhau chung sống trên một địa bàn nhất định. Là một tập thể người có chung một nguồn gốc văn hóa, hoặc ngôn ngữ nhưng không nhất thiết cùng chung sống trên một địa bàn, có chung một sự ràng buộc về thể chế, về quy định, về quyền lợi, hay có chung một nguyện vọng, một mục đích nhưng cũng có thể không cùng chung sống trên một địa bàn nhất định.

Phát triển cộng đồng là một tiến trình qua đó nỗ lực của dân chúng kết hợp với chính quyền để cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa của các cộng đồng và giúp các cộng đồng này hội nhập và đồng thời đóng góp vào đời sống quốc gia.



BÀI 2. CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. Mục tiêu của công tác xã hội cá nhân

Công tác xã hội cá nhân hướng đến các mục tiêu cơ bản như sau:

- Nâng cao năng lực, thúc đẩy khả năng tự giải quyết vấn đề của cá nhân thân chủ;
- Nối kết cá nhân với hệ thống các nguồn lực, dịch vụ trong xã hội;
- Cải thiện môi trường xã hội để hỗ trợ cá nhân thực hiện chức năng và vai trò của mình trong gia đình, xã hội

2. Các nguyên tắc của công tác xã hội cá nhân

Để tiến trình hỗ trợ thân chủ cá nhân được diễn ra và có hiệu quả, Nhân viên xã hội cần đảm bảo các quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp cũng như các nguyên tắc thực hành công tác xã hội, bao gồm 07 nguyên tắc của công tác xã hội cá nhân:

- Chấp nhận thân chủ
- Tạo điều kiện để thân chủ tham gia giải quyết vấn đề
- Tôn trọng quyền tự quyết của thân chủ
- Đảm bảo tính khác biệt của mỗi trường hợp
- Đảm bảo tính riêng tư, kín đáo đối với các thông tin liên quan tới thân chủ
- Nhân viên xã hội tự ý thức về bản thân
- Đảm bảo mối quan hệ nghề nghiệp

3. Vai trò của nhân viên xã hội trong công tác xã hội cá nhân

- Vai trò, chức năng của nhà giáo dục
- Vai trò, chức năng của nhà tham vấn
- Vai trò, chức năng của người kết nối
- Vai trò, chức năng của người biện hộ
- Vai trò, chức năng của người quản lý ca

BÀI 3. CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM

1. Đặc điểm công tác xã hội nhóm

- Lấy hoạt động nhóm để thỏa mãn nhu cầu của cá nhân và nhóm
- Đối tượng tác động là mối quan hệ tương tác trong nhóm, từ đó giúp nhóm và cá nhân tăng cường khả năng tự giải quyết vấn đề.
- Lấy ảnh hưởng của nhóm để tạo sự thay đổi, tiến bộ trong thái độ, hành vi của từng cá nhân và nhóm thông qua các hoạt động nhóm.



- Công tác xã hội nhóm thường được sử dụng khi:
 - + Có vấn đề nảy sinh hai hay nhiều người.
 - + Khi một số người có vấn đề hay nhu cầu giống nhau.
 - + Tạo môi trường để chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm, thông tin,...

2. Các dạng nhóm trong công tác xã hội

- Nhóm giải trí: mục đích là cung cấp các hoạt động vui chơi giải trí có mục đích cho các thành viên trong nhóm, qua các hoạt động vui chơi trong nhóm, các thành viên giúp nhau xây dựng những tính cách cần thiết.

- Nhóm giáo dục: Nhằm truyền đạt những kiến thức hay kỹ năng trong một lĩnh vực nào đó.

- Nhóm tự giúp: là những nhóm nhỏ có tính chất tình nguyện với mục đích hỗ trợ qua lại lẫn nhau để hoàn thành mục đích cụ thể, nhóm này thường được thành lập bởi những người cùng cảnh ngộ tập hợp lại nhau để giúp đỡ lẫn nhau cùng đáp ứng những nhu cầu chung, giúp nhau vượt qua những khó khăn của cuộc sống và tạo ra những thay đổi cá nhân hay xã hội cần thiết.

- Nhóm với mục đích xã hội hóa: mục đích là để tăng cường khả năng quan hệ xã hội cá nhân, từ đó thay đổi thái độ, hành vi của cá nhân theo hướng tích cực.

- Nhóm trị liệu: mục đích của loại nhóm này là giúp cho cá nhân chia sẻ những cảm xúc với các thành viên khác từ đó hiểu rõ vấn đề tình cảm của mình và đưa ra kế hoạch giải quyết các vấn đề mắc phải.

- Nhóm trợ giúp: mục đích là tạo điều kiện để cá nhân nhìn nhận lại bản thân và tăng cường khả năng đồng cảm với người khác nhằm phát triển các mối tương tác có hiệu quả hơn. Loại hình nhóm này đòi hỏi sự thân mật tin tưởng, hiểu biết lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm.

3. Các giai đoạn phát triển của nhóm

- Giai đoạn hình thành

+ Nhóm chưa phải là nhóm đúng nghĩa mà là tập hợp các cá nhân. Nhiều cá nhân còn e dè, ít chia sẻ, thiếu thống nhất, thăm dò nhau.

+ Cá nhân muốn khẳng định cá tính và muốn gây ấn tượng trong nhóm.

+ Sự tham gia bị hạn chế vì các cá nhân còn bận rộn làm quen với môi trường xung quanh, với người tổ chức nhóm và những người xung quanh.

+ Các cá nhân bắt tay vào công việc trước mắt và thảo luận mục đích của các công việc.

+ Nhóm tham gia xây dựng những quy định cơ bản mà sau này sẽ dựa vào đó trở thành nội quy.

- Giai đoạn bão tố - Cạnh tranh và liên kết

+ Nhóm chú trọng vào công việc, mối quan hệ bắt đầu tăng lên.

- + Nhóm viên tìm cách đóng góp cho nhóm và thích nghi.
- + Bắt đầu xuất hiện các mâu thuẫn nội bộ, thiếu thống nhất trong nhóm, có cạnh tranh để thiết lập vị trí và vai trò của mình trong nhóm, tranh cãi có thể xảy ra, cá nhân bộc lộ cá tính và có ý đồ riêng.
- + Hình thành các quy định và phương pháp làm việc mới và mối liên kết giữa các thành viên tương hợp.
- + Vai trò lãnh đạo là giúp các thành viên tương tác tích cực, tái lập sự cân bằng, giải quyết mâu thuẫn. Nếu thành công, các nhóm viên sẽ tin tưởng nhau hơn, nhóm tiến đến bối cảnh mới trong đó mục tiêu, thủ tục và quy chuẩn mới thực tế hơn.
- Giai đoạn ổn định – Lập quy chuẩn mới
 - + Thể hiện qua bầu không khí nhóm thân thiện, lắng nghe nhau, chấp nhận nhóm và chấp nhận tính cách của nhau.
 - + Phát triển liên kết nhóm trong đó các quy chuẩn và các cách tiến hành được thiết lập.
 - + Nhóm viên đồng hóa mình với nhóm, lòng trung thành với nhóm được phát triển và phấn đấu để duy trì lòng trung thành này.
 - + Phát triển tinh thần nhóm, sự hài hòa trở thành một yếu tố quan trọng.
- Giai đoạn trưởng thành – Phát huy tối đa năng suất
 - + Thể hiện qua sự trưởng thành toàn diện và năng suất tối đa.
 - + Chỉ có thể đạt được bằng sự hoàn tất ba giai đoạn trên.
 - + Nhận các vai trò để hoàn thành hoạt động của nhóm, lúc này họ biết cách phối hợp với nhau.
 - + Các vai trò trở nên linh hoạt và theo chức năng nhiệm vụ, thành viên cảm thấy tự do thể hiện nhân cách của mình.
 - + Năng lượng của nhóm tập trung vào các công việc đề ra
 - + Thông tin nội bộ cao và bình đẳng.
 - + Xuất hiện những cách nhìn và cách giải quyết mới.
- Giai đoạn kết thúc
 - + Nhóm hoàn thành mục tiêu công tác.
 - + Nhóm viên cảm thấy khó khăn khi phải chia tay, chống lại sự tan rã.
 - + Nếu nhóm muốn duy trì hoạt động thì phải đề ra mục tiêu mới.

BÀI 4. CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TỔ CHỨC VÀ CỘNG ĐỒNG

1. Đặc điểm của cộng đồng nghèo/thiệt thòi/kém phát triển



- Kinh tế nghèo nàn: tình hình/phương tiện sản xuất lạc hậu, kỹ thuật/mô hình sản xuất không phù hợp, hệ thống tiêu thụ/phân phối hàng hóa hạn chế, không hiệu quả, thu nhập thấp, thất nghiệp.

- Cơ sở hạ tầng thiếu thốn, dịch vụ xã hội nghèo nàn, thiếu trang thiết bị tối thiểu như trường lớp, trạm y tế.

- Người dân không được quyền tham gia ra quyết định có liên quan trực tiếp đến đời sống của họ.

- Tệ nạn xã hội

- Người dân thiếu cơ hội tiếp cận với các nguồn tài nguyên như tín dụng, kỹ thuật mới, đào tạo mới, đất đai,...

2. Quan điểm định hướng trong phát triển cộng đồng.

- Lấy dân làm gốc.

- Phát triển bền vững gồm: bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội, bền vững về môi trường

- Tăng năng lực và quyền lực cho người dân.

3. Nguyên tắc hành động trong phát triển cộng đồng

- Bắt đầu từ nhu cầu, tài nguyên và khả năng của người dân.

- Tin tưởng vào dân, vào khả năng thay đổi và phát triển của họ.

- Đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm bức xúc hiện tại của họ.

- Khuyến khích người dân cùng thảo luận, lấy quyết định chung, hành động chung để họ đồng hóa mình với những chương trình hành động đó.

- Bắt đầu từ những hành động nhỏ để dẫn đến các thành công nhỏ.

- Vận động thành lập nhóm nhỏ để thực hiện dự án, không chỉ để giải quyết được một vấn đề cụ thể, mà còn để củng cố, làm vững mạnh tổ chức tự nguyện của người dân.

- Khi tổ chức cần cung cấp nhiều cơ hội để người dân tương trợ lẫn nhau và phát sinh các hoạt động chung, qua đó các thành viên vừa đạt được cảm xúc tự hoàn thành nhiệm vụ vừa góp phần cải thiện an sinh cho nhóm, cả hai điều này đều quan trọng như nhau.

- Quy trình “Hành động – Suy ngẫm rút kinh nghiệm – Hành động mới” cần áp dụng để tiến đến những chương trình hành động chung lớn hơn, trình độ quản lý cao hơn.

- Nếu điều hành có hiệu quả, giải quyết mâu thuẫn theo nhóm là dịp để tổ chức nhóm trưởng thành.

- Thiết lập mối liên kết và liên đoàn với các tổ chức khác để có thêm hỗ trợ và hợp tác với nhau.

BÀI 5. NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Khái niệm về nghề Công tác xã hội

CTXH được xem như là một nghề mang tính chuyên nghiệp, nó tồn tại và hoạt động khi xuất hiện những vấn đề cần giải quyết như tình trạng nghèo đói, bất bình đẳng giới, và giúp đỡ những thành phần dễ bị tổn thương như trẻ mồ côi, người tàn tật, trẻ đường phố, trẻ bị lạm dụng,...

Quan điểm nghề nghiệp của ngành CTXH là những quan điểm về con người, về mục đích cho sự an sinh của họ và những biện pháp đi đến mục đích đó. CTXH là một nghề mang lại sự đổi mới cho xã hội, chứ không phải là hoạt động từ thiện, do đó khi hành nghề người nhân viên xã hội phải ý thức được thái độ nghề nghiệp một cách vững vàng về các quan điểm và nguyên tắc nghề nghiệp.

CTXH chuyên nghiệp thúc đẩy sự thay đổi xã hội, việc giải quyết vấn đề trong mối quan hệ con người, hướng tới sự tăng quyền lực và giải phóng cho con người, nhằm giúp cho cuộc sống của họ ngày càng thoải mái và dễ chịu. CTXH vận dụng các lý thuyết về hành vi con người và các hệ thống xã hội. CTXH can thiệp ở những điểm tương tác giữa con người và môi trường của họ.

2. Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của công tác xã hội

- Tôn trọng và phát huy quyền lựa chọn, quyền quyết định mà không phân biệt giá trị, niềm tin, tư tưởng và cuộc sống của đối tượng và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

- Thúc đẩy sự tham gia đầy đủ của đối tượng bằng cách giúp đối tượng tự quyết định và giải quyết các vấn đề có ảnh hưởng đến cuộc sống.

- Tập trung vào điểm mạnh, tận dụng các nguồn lực sẵn có của đối tượng để thúc đẩy việc trao quyền.

- Chịu trách nhiệm đối với các hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội, bảo đảm đối tượng được cung cấp dịch vụ công tác xã hội phù hợp và chất lượng.

- Thúc đẩy công bằng xã hội, bảo đảm cung cấp nguồn lực một cách công bằng, minh bạch theo nhu cầu của đối tượng.

- Tôn trọng sự đa dạng, không phân biệt đối xử về khả năng, tuổi tác, giới tính, tình trạng hôn nhân, tình trạng kinh tế - xã hội, màu da, chủng tộc, quốc tịch, quan điểm chính trị, tín ngưỡng tôn giáo và các đặc điểm sức khỏe của đối tượng.

3. Yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp CTXH

- Cần, kiệm, liêm, chính, không được lạm dụng các mối quan hệ với đối tượng để vụ lợi cá nhân; xác định rõ ranh giới giữa cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp.

- Tâm huyết, trách nhiệm, chủ động và sáng tạo trong việc cung cấp dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp cho đối tượng.

- Kiên nhẫn, thấu hiểu, chia sẻ và quan tâm đối với đối tượng.

- Đặt lợi ích của đối tượng là quan trọng nhất trong quá trình hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội.

- Chịu trách nhiệm về các hoạt động nghề nghiệp của mình theo quy định của pháp luật.

- Giữ gìn sự đoàn kết với các đồng nghiệp; không lợi dụng, chia rẽ mối quan hệ giữa các đồng nghiệp.

- Chăm sóc bản thân và xây dựng hình ảnh phù hợp để đảm bảo hoạt động cung cấp dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp, hiệu quả.

4. Tuân thủ kỷ luật nghề nghiệp CTXH

- Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị. Hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội trong phạm vi nhiệm vụ được giao và không được từ chối yêu cầu cung cấp dịch vụ công tác xã hội phù hợp của đối tượng.

- Bảo mật thông tin liên quan đến đối tượng. Trường hợp chia sẻ thông tin phải thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc có ý kiến đồng ý của đối tượng và người quản lý chuyên môn.

- Tôn trọng quyền được xem hồ sơ của đối tượng. Trường hợp từ chối, phải lập biên bản nêu rõ lý do cho đối tượng.

- Tôn trọng, chia sẻ, đồng cảm và giúp đỡ đồng nghiệp trong mối quan hệ công việc và xã hội.

- Sẵn sàng hợp tác với các đối tác, chuyên gia trong lĩnh vực công tác xã hội và lĩnh vực khác có liên quan.

- Sử dụng ngôn ngữ, văn phong chính xác, chuẩn mực trong các hoạt động truyền thông, giao tiếp với đồng nghiệp và đối tượng.

- Chỉ dừng cung cấp dịch vụ công tác xã hội khi đối tượng không còn nhu cầu. Trong trường hợp bất khả kháng, phải có giải pháp phù hợp để bảo đảm dịch vụ công tác xã hội được cung cấp liên tục, không ảnh hưởng đến lợi ích của đối tượng.

- Thường xuyên học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng và nhận thức về chuyên môn công tác xã hội, đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn nghề nghiệp công tác xã hội theo quy định của pháp luật.

- Có kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ công tác xã hội, văn hóa, phong tục, tập quán, tôn giáo để phục vụ cho công việc.

- Có trách nhiệm và khả năng hợp tác làm việc trong các nhóm liên ngành. Đóng góp, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức của mình để nhóm liên ngành hoạt động có hiệu quả.

- Có khả năng tham vấn ý kiến đồng nghiệp và đối tượng để nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

- Có khả năng tạo lập mối quan hệ trong xã hội, uy tín, liên kết và giới thiệu những chuyên gia giỏi, tổ chức có uy tín đáp ứng tốt nhất nhu cầu của đối tượng.

- Luôn yêu nghề và bảo vệ uy tín nghề nghiệp.



BÀI 6. QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI

1. Khái niệm Quản trị Công tác xã hội

Quản trị CTXH là quá trình lập kế hoạch, lãnh đạo, tổ chức và kiểm soát các nguồn lực tổ chức của cơ quan công tác xã hội để đạt được các mục tiêu mong muốn.

2. Chức năng của Quản trị Công tác xã hội

- Lập kế hoạch là chức năng quản lý liên quan đến việc xác định mục tiêu cho hoạt động tổ chức trong tương lai, quyết định các nhiệm vụ và nguồn lực cần thiết để đạt được chúng.

- Dẫn lối là chức năng quản lý liên quan đến sử dụng các ảnh hưởng để tạo động lực cho cấp dưới để đạt được mục tiêu tổ chức.

- Tổ chức là chức năng quản lý liên quan đến việc phân công công việc, nhóm công việc thành các phòng/ban, phân bổ nguồn lực cho các phòng/ban.

- Kiểm soát là chức năng quản lý liên quan đến việc giám sát các hoạt động cấp dưới, giữ tổ chức trên đường hướng tới mục tiêu của mình và điều chỉnh khi cần thiết.

3. Những kỹ năng cần thiết của nhà Quản trị Công tác xã hội

- Kỹ năng kỹ thuật là khả năng sử dụng các quy trình, kỹ thuật và kiến trúc về một lĩnh vực được tiêu chuẩn hóa.

- Kỹ năng con người là khả năng làm việc với mọi người, hiểu và động viên họ với tư cách cá nhân hoặc theo nhóm.

- Kỹ năng toàn diện là khả năng nhìn thấy “bức tranh toàn cảnh” để nhận ra các yếu tố quan trọng trong một tình huống và hiểu được mối quan hệ giữa các yếu tố.

- Kỹ năng thiết lập dung hòa là khả năng giải quyết vấn đề theo cách có lợi cho các bên liên quan.

BÀI 7. QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP

1. Khái niệm Quản lý trường hợp

Quản lý trường hợp còn được gọi là quản lý ca là quá trình điều phối các dịch vụ , trong đó nhân viên xã hội làm việc với thân chủ để xác định một số dịch vụ cần thiết, tìm kiếm và kết nối nguồn lực, tổ chức thực hiện và theo dõi sự chuyển giao các dịch vụ đó tới thân chủ một cách có hiệu quả. Trong thực tế nhiều người cần sự trợ giúp không phải chỉ gặp khó khăn đơn thuần là một hoặc vài vấn đề riêng lẻ, rất nhiều người cần được giúp đỡ và hỗ trợ các dịch vụ khác nhau, trong khoảng thời gian dài để có thể duy trì cuộc sống hoặc phục hồi các chức năng đã bị suy giảm.

Đối tượng của quản lý trường hợp là: người khuyết tật, người già, bệnh nhân HIV/AIDS, bệnh nhân với vấn đề sức khỏe tâm thần, người khuyết tật phát triển, trẻ gặp vấn đề tại nhà trường, những người mẹ trẻ vị thành niên, người nghiện, người mắc bệnh kinh niên,...

2. Tiến trình Quản lý trường hợp

- Giai đoạn 1: Tiếp nhận và đánh giá
- Giai đoạn 2: Lập kế hoạch
- Giai đoạn 3: Thực hiện kế hoạch (kết nối, điều hành và điều phối dịch vụ)
- Giai đoạn 4: Giám sát, rà soát
- Giai đoạn 5: Lượng giá và kết thúc

BÀI 8. CÔNG TÁC XÃ HỘI CỦA BỆNH VIỆN

(theo Thông tư số 43/2015/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế quy định về nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện)

Điều 2. Nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện

1. Hỗ trợ, tư vấn giải quyết các vấn đề về công tác xã hội cho người bệnh và người nhà người bệnh trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh (sau đây gọi chung là người bệnh), bao gồm:

a) Đón tiếp, chỉ dẫn, cung cấp thông tin, giới thiệu về dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của bệnh viện cho người bệnh ngay từ khi người bệnh vào khoa khám bệnh hoặc phòng khám bệnh;

b) Tổ chức hỏi thăm người bệnh và người nhà người bệnh để nắm bắt thông tin về tình hình sức khỏe, hoàn cảnh khó khăn của người bệnh, xác định mức độ và có phương án hỗ trợ về tâm lý, xã hội và tổ chức thực hiện;

c) Hỗ trợ khẩn cấp các hoạt động công tác xã hội cho người bệnh là nạn nhân của bạo hành, bạo lực gia đình, bạo lực giới, tai nạn, thảm họa nhằm bảo đảm an toàn cho người bệnh: hỗ trợ về tâm lý, xã hội, tư vấn về pháp lý, giám định pháp y, pháp y tâm thần và các dịch vụ phù hợp khác;

d) Hỗ trợ, tư vấn cho người bệnh về quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của người bệnh, các chương trình, chính sách xã hội về bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội trong khám bệnh, chữa bệnh;

đ) Cung cấp thông tin, tư vấn cho người bệnh có chỉ định chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc xuất viện; Hỗ trợ thủ tục xuất viện và giới thiệu người bệnh đến các địa điểm hỗ trợ tại cộng đồng (nếu có);

e) Phối hợp, hướng dẫn các tổ chức, tình nguyện viên có nhu cầu thực hiện, hỗ trợ về công tác xã hội của bệnh viện;

2. Thông tin, truyền thông và phổ biến, giáo dục pháp luật:

a) Thực hiện công tác phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí;

b) Xây dựng kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

c) Xây dựng nội dung, tài liệu để giới thiệu, quảng bá hình ảnh, các dịch vụ và hoạt động của bệnh viện đến người bệnh và cộng đồng thông qua tổ chức các hoạt động, chương trình, sự kiện, hội nghị, hội thảo:

d) Cập nhật và tổ chức phổ biến các chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác khám bệnh, chữa bệnh, hoạt động của bệnh viện cho nhân viên y tế, người bệnh và người nhà người bệnh;

đ) Tổ chức thực hiện quy tắc ứng xử, hòm thư góp ý của bệnh viện;

e) Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phù hợp cho nhân viên y tế và người bệnh.

3. Vận động tiếp nhận tài trợ:

Thực hiện hoạt động từ thiện và vận động, tiếp nhận tài trợ về kinh phí, vật chất để hỗ trợ người bệnh có hoàn cảnh khó khăn.

4. Hỗ trợ nhân viên y tế:

a) Cung cấp thông tin về người bệnh cho nhân viên y tế trong trường hợp cần thiết để hỗ trợ công tác điều trị;

b) Động viên, chia sẻ với nhân viên y tế khi có vướng mắc với người bệnh trong quá trình điều trị.

5. Đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tham gia hướng dẫn thực hành nghề công tác xã hội cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo nghề công tác xã hội;

b) Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về công tác xã hội cho nhân viên y tế và nhân viên bệnh viện; phối hợp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về y tế cho người làm việc về công tác xã hội.

6. Tổ chức đội ngũ công tác viên làm công tác xã hội của bệnh viện.

7. Tổ chức các hoạt động từ thiện, công tác xã hội của bệnh viện tại cộng đồng (nếu có).

Điều 3. Hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện

Căn cứ quy mô giường bệnh, điều kiện về nhân lực, kinh phí và phạm vi hoạt động chuyên môn, giám đốc bệnh viện quyết định thành lập hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định thành lập một trong các hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện sau đây:

1. Phòng Công tác xã hội thuộc bệnh viện;

2. Tổ Công tác xã hội thuộc Khoa khám bệnh hoặc Phòng điều dưỡng hoặc Phòng kế hoạch tổng hợp của bệnh viện.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Phòng Công tác xã hội

1. Phòng Công tác xã hội là đơn vị thuộc bệnh viện, có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và các nhân viên.



2. Phòng Công tác xã hội có Tổ hỗ trợ người bệnh (do Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách) đặt ở khoa Khám bệnh của bệnh viện. Ngoài Tổ Hỗ trợ người bệnh, phòng Công tác xã hội còn có các bộ phận nghiệp vụ cần thiết khác.

3. Nhân lực của phòng Công tác xã hội bao gồm các viên chức, nhân viên chuyên ngành công tác xã hội; chuyên ngành truyền thông, y tế hoặc ngành khoa học xã hội khác được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về công tác xã hội.

Điều 5. Môi quan hệ phối hợp trong thực hiện công tác xã hội của bệnh viện

1. Phòng, Tổ Công tác xã hội có trách nhiệm phối hợp với các khoa, phòng, đơn vị trong bệnh viện thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Mỗi khoa, phòng của bệnh viện phân công một nhân viên y tế tham gia làm cộng tác viên công tác xã hội trong bệnh viện.

3. Các khoa, phòng, đơn vị khác có trách nhiệm giới thiệu người bệnh đến phòng Công tác xã hội hoặc đề nghị phòng Công tác xã hội cử nhân viên đến để trợ giúp, tư vấn cho người bệnh, đồng thời cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời về sức khỏe của người bệnh để Phòng, Tổ công tác xã hội hỗ trợ, tư vấn cho người bệnh.

Người biên soạn



BS. CKII Huỳnh Văn Long



PHÊ DUYỆT

TS. BS Trần Kiến Vũ